

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN VÀ
CÁC CÔNG TY CON**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 04
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 54

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Hội đồng Quản trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn và các Công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty").

1. Thông tin chung

Thành lập

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 108/1999/QĐ-TTg ngày 23/4/1999 của Thủ Tướng Chính phủ trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Gia Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056652 ngày 06/12/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 11 năm 2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: SAIGON REAL - ESTATE JOINT STOCK COMPANY.

Mã chứng khoán: SGR.

Trụ sở chính: Số 63-65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty: xây dựng và kinh doanh bất động sản.

2. Thông tin về các công ty con

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn có chín (09) Công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhơn Trạch được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305696180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 03, ngày 11 tháng 6 năm 2020), vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhơn Trạch là 50.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 83,00% (tương đương 41.500.000.000 VND). Trong kỳ, công ty Con này đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.

Trụ sở hoạt động: Tầng 8 Tòa nhà 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312528010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 11 năm 2013 (đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 01 tháng 3 năm 2018), vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô là 60.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Trong kỳ, công ty Con này hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và có lãi.

Trụ sở hoạt động: 63-65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh Nhà Gia Định được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304251742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần 01, ngày 26 tháng 9 năm 2017), vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh Nhà Gia Định là 25.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 70% (tương đương 17.500.000.000 VND). Trong kỳ, công ty Con này hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và lỗ.

Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

Công ty TNHH Sài Gòn Vĩnh Khang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312924007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014 (đăng ký thay đổi lần thứ 03, ngày 22 tháng 6 năm 2020), vốn điều lệ của Công ty TNHH Sài Gòn Vĩnh Khang là 10.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 80% (tương đương 8.000.000.000 VND). Trong kỳ, công ty Con này hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và lỗ.

Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

2. Thông tin về các công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314513330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn là 30.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Trong kỳ, công ty Con này hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và có lãi.

Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bất động sản Hùng Vương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311582128 ngày 28 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (thay đổi lần thứ 08, ngày 01 tháng 3 năm 2021), vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Hùng Vương là 10.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn là 70% (tương đương 7.000.000.000 VND). Trong kỳ, công ty Con này hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và có lãi.

Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

Công ty Cổ phần TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Hòa Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400510815 ngày 05 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Hòa Bình là 80.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã thực góp 5.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 100% trên vốn thực góp của Công ty này. Trong kỳ, công ty Con này đang trong giai đoạn triển khai hoạt động kinh doanh.

Trụ sở hoạt động: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tin học Smartway được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316132186 ngày 06 tháng 02 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tin học Smartway là 5.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã thực góp 2.300.000.000 VND chiếm tỷ lệ 90% trên vốn thực góp của Công ty này. Trong kỳ, công ty Con này đang trong giai đoạn triển khai hoạt động kinh doanh.

Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

Công ty TNHH Đầu tư Ngọc Tước được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316358835 ngày 01 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần 01 ngày 07 tháng 12 năm 2020), vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Ngọc Tước là 112.500.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty là 100%.

Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Phạm Thu	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Mai Thanh	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/4/2021)
Ông	Huỳnh Thanh Hải	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27/4/2021)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị

Ông	Phạm Đình Thành	Thành viên
Bà	Trần Thị Ga	Thành viên
Ông	Đặng Văn Phúc	Thành viên
Ông	Kiều Minh Long	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Ông	Phạm Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2021)

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Hồng Phát	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 27/4/2021)
Ông	Thái Quốc Dương	Trưởng Ban (bổ nhiệm ngày 27/4/2021)
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên
Bà	Phạm Thị Bích Đào	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Đặng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Bà	Trần Thị Ga	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Đình Thành	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ông	Phạm Thu	Chủ tịch HĐQT
-----	----------	---------------

Ông Phạm Thu đã ủy quyền cho Ông Đặng Văn Phúc ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 208A/2020/GUQ-SGR ngày 31 tháng 7 năm 2020.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 của Nhóm Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

6. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Ngày 26 tháng 8 năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị

PHẠM THU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0621328-SXHN/AISC-DN5 **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn và các công ty con** (gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

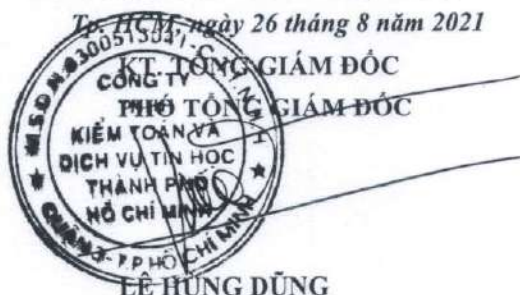
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Số Giấy CNDKHNKT: 3174-2020-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.584.800.800.947	1.615.516.945.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	60.588.779.116	44.333.257.129
1. Tiền	111		58.588.779.116	35.833.257.129
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	8.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	53.000.000	53.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		53.000.000	53.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		725.451.088.020	806.353.368.845
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	126.278.401.780	133.617.482.828
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	420.251.983.505	461.028.255.980
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	71.136.559.179	74.666.318.700
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	107.784.143.556	137.041.311.337
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	788.599.875.071	756.970.442.875
1. Hàng tồn kho	141		788.599.875.071	756.970.442.875
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.108.058.740	7.806.876.785
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	846.829.111	751.958.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.846.267.374	6.883.842.300
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	1.414.962.255	171.075.947
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		341.494.374.229	341.381.990.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		115.240.000.000	115.240.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	47.300.000.000	47.300.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	67.940.000.000	67.940.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.133.785.971	8.413.703.158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.186.132.471	6.466.049.658
- Nguyên giá	222		30.281.295.921	31.079.648.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.095.163.450)	(24.613.598.990)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.947.653.500	1.947.653.500
- Nguyên giá	228		1.984.623.500	1.984.623.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.970.000)	(36.970.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	122.168.433.606	123.561.990.796
- Nguyên giá	231		133.781.490.188	133.781.490.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.613.056.582)	(10.219.499.392)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.767.251.373	8.811.200.205
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	9.767.251.373	8.811.200.205
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	74.561.977.938	72.713.535.352
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		62.703.584.738	61.488.742.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.224.793.200	3.224.793.200
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.633.600.000	8.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.622.925.341	12.641.560.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	12.260.016.347	12.641.560.770
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		362.908.994	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.926.295.175.176	1.956.898.935.915

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.187.407.602.226	1.211.158.363.390
I. Nợ ngắn hạn	310		979.600.210.352	987.879.241.033
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	33.483.666.797	35.720.450.726
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	384.731.377.639	385.007.681.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	2.122.919.689	21.671.424.109
4. Phải trả người lao động	314		1.251.040.984	6.847.170.491
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	236.045.939.325	243.436.343.743
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		29.707.831	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	52.046.076.688	56.242.866.663
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	263.879.056.000	235.352.391.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.010.425.399	3.600.912.873
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		207.807.391.874	223.279.122.357
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	182.509.989.847	198.116.869.535
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	244.559.700	245.300.790
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	24.000.000.000	24.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.052.842.327	916.952.032
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		738.887.572.950	745.740.572.525
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	738.710.813.435	745.563.813.010
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.940.000	1.940.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(110.000)	(110.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.101.474.907	2.101.474.907
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.019.102.851	122.520.981.175
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		116.758.163.731	20.656.480.104
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.739.060.880)	101.864.501.071
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.588.405.677	20.939.526.928
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		176.759.515	176.759.515
1. Nguồn kinh phí	431		176.759.515	176.759.515
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.926.295.175.176	1.956.898.935.915

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐINH THỊ NGUYỆT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ QUÝ

Tp. HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2021




ĐẶNG VĂN PHÚC

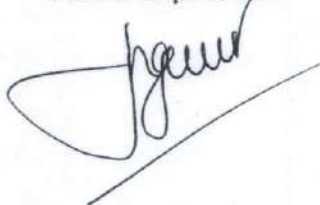
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

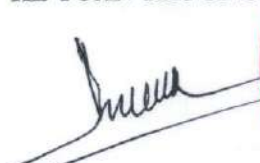
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.041.497.499	37.725.836.513
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	5.227.855.586
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	30.041.497.499	32.497.980.927
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	5.780.456.975	17.056.984.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.261.040.524	15.440.996.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	888.370.680	143.235.796.141
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	10.452.911.656	11.404.907.400
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.452.911.656</i>	<i>11.354.272.180</i>
8. Phần lãi (/hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		414.842.586	(780.919.127)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	-	9.392.301
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	17.905.227.577	18.981.716.681
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(2.793.885.443)	127.499.857.247
12. Thu nhập khác	31	VI.8	437.039.778	601.416.935
13. Chi phí khác	32	VI.9	851.769.301	350.797.819
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(414.729.523)	250.619.116
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.208.614.966)	127.750.476.363
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.324.790.782	25.558.509.787
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(227.018.699)	351.363.002
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(4.306.387.049)	101.840.603.574
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(3.739.060.880)	102.119.345.126
Cổ đông không kiểm soát	62		(567.326.169)	(278.741.552)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(62)	1.660
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(62)	1.660

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐINH THỊ NGUYỆT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ QUÝ

Tp. HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2021

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
THƯỜNG TRỰC


ĐẶNG VĂN PHÚC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.208.614.966)	127.750.476.363
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9->11	2.119.683.686	2.660.712.622
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.804.000.778)	(143.484.525.655)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	10.452.911.656	11.354.272.180
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.559.979.598	(1.719.064.490)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		75.484.366.781	(42.236.914.180)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(31.629.432.196)	(58.950.420.027)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(39.073.050.977)	(95.598.355.575)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		2.935.552.599	1.180.808.236
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.407.677.326)	(9.620.111.478)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(19.445.967.793)	(17.898.976.994)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	250.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.576.229.314)	(224.593.034.508)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.092.051.168)	(40.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		391.319.293	1.657.239.598
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.348.902.616)	(61.048.700.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.878.662.137	73.973.750.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(800.000.000)	(9.339.245.688)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	423.137.270.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		206.563.737	3.758.806.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.235.591.383	432.099.120.557

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

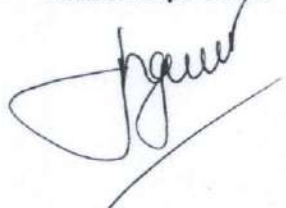
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

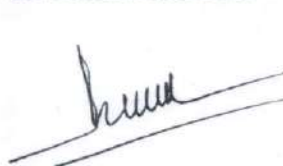
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.1	57.500.000.000	59.065.714.004
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.2	(28.973.335.000)	(256.018.051.515)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(930.505.082)	(23.723.406.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.596.159.918	(220.675.744.261)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		16.255.521.987	(13.169.658.212)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44.333.257.129	47.845.233.071
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>60.588.779.116</u>	<u>34.675.574.859</u>

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐINH THỊ NGUYỆT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ QUÝ

Tp. HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2021

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
THƯỜNG TRỰC



ĐẶNG VĂN PHÚC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 108/1999/QĐ-TTg ngày 23/4/1999 của Thủ Tướng Chính phủ trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Gia Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056652 ngày 06/12/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 11 năm 2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là cho thuê, mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán và cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất, xây dựng dân dụng và công nghiệp và tư vấn bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty

- Đối với hoạt động kinh doanh dự án: chu kỳ sản xuất, kinh doanh trên 12 tháng.

- Đối với hoạt động kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2021, thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ Tướng Chính phủ và các Chỉ thị bổ sung về quy định hạn chế tụ tập nơi đông người do ảnh hưởng của căn bệnh đường hô hấp cấp COVID-19, tình hình kinh doanh của Nhóm Công ty đã gặp một số khó khăn nhất định so với cùng kỳ năm trước.

6. Cấu trúc doanh nghiệp**6.1. Tổng số các Công ty con**

Số lượng các Công ty con : chín (09) công ty con.

6.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có tám (08) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Gia Định	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	70,00%	70,00%	70,00%
Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hùng Vương	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	70,00%	70,00%	70,00%
Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất: (tiếp theo)

3. Công ty Cổ phần Tin học Smartway	Lập trình máy vi tính	90,00%	90,00%	90,00%
Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				
4. Công ty TNHH Sài Gòn Vĩnh Khang	Sản xuất hàng trang trí nội thất	80,00%	80,00%	80,00%
Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhơn Trạch	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	83,00%	83,00%	83,00%
Trụ sở hoạt động: Tầng 8 Tòa nhà 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				
6. Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: 63-65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				
7. Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				
8. Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Hòa Bình	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.				

6.3. Danh sách các Công ty con theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng chưa hoàn tất việc góp vốn.

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Ngọc Tước	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: 63 - 65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam.				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.4. Danh sách các công ty liên kết, liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Hải Sinh Nguyên	Kinh doanh bất động sản	27,70%	27,70%	27,70%
Công ty Cổ phần Nhà hàng Kân Kâu	Dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Đô Thị	Tư vấn, thiết kế, giám sát	49,70%	49,70%	49,70%
Công ty TNHH Địa ốc Sài Gòn Phú Quốc	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Smart Express	Chuyên phát nhanh	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh	Kinh doanh bất động sản	50,00%	50,00%	50,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn và các Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng năm tài chính với Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Nhóm Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Nhóm Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Nhóm Công ty này. Khi Nhóm Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Nhóm Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của công ty liên doanh, công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh, công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Nhóm Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Nhóm Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau: Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Trường hợp Công ty là bên góp vốn

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

Các khoản vốn (bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ) góp vào BCC được ghi nhận và phản ánh trong Báo cáo tài chính là tài sản góp vốn liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản nhận về và giá trị khoản vốn góp (nếu có) được phản ánh là thu nhập khác hoặc chi phí khác.

Đối với doanh thu, chi phí, sản phẩm liên quan đến hợp đồng thì Công ty ghi nhận doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, chi phí phải gánh chịu của liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng. Đối với các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mình bỏ ra thì Công ty phải ghi nhận chi phí phải gánh chịu.

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định, Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm bất động sản đầu tư: bất động sản được xây dựng với mục đích để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá được ghi nhận là hàng tồn kho.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án, các công trình xây dựng cơ bản dở dang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: theo giá bình quân gia quyền.
- Thành phẩm, hàng hóa: theo giá thực tế đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**7.1. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	48 năm
-----------------------	--------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm chờ phân bổ, chi phí dịch vụ tiếp thị và phân phối căn hộ và chi phí tư vấn chờ phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí dịch vụ tiếp thị và phân phối căn hộ sẽ được kết chuyển vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu của các căn hộ tương ứng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động. □

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay, chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán... đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Doanh thu cho thuê tài sản**

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức; 2. Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản; 3. Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; 4. Ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Doanh thu bán bất động sản**

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà Công ty là chủ đầu tư: doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện: 1. Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; 5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp Công ty có hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng với khách hàng, trong đó quy định rõ yêu cầu của khách hàng về thiết kế, kỹ thuật, mẫu mã, hình thức hoàn thiện nội thất bất động sản và biên bản bàn giao phần xây thô cho khách hàng, doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh

Doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh được ghi nhận dựa theo bản chất từng hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Trường hợp hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định các bên tham gia và không thực hiện kế toán được hưởng một khoản lợi nhuận cố định thì Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Trường hợp hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định việc phân chia kết quả hợp tác bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty tạm ghi nhận doanh thu dựa trên số tiền được chia theo từng đợt quy định trong hợp đồng cho đến khi ký biên bản quyết toán dự án.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (các khoản vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn, phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị sổ sách tại ngày mua công ty con)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm, không ghi giảm doanh thu.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong năm báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong năm và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất ưu đãi 10% đối với phần thu nhập của Công ty từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội, theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định về áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động: "d) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 Luật nhà ở".

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Nhóm Công ty là 20%.

22. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2021	01/01/2021
Tiền	58.588.779.116	35.833.257.129
Tiền mặt	816.485.147	1.370.902.498
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.772.293.969	34.462.354.631
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	8.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	2.000.000.000	8.500.000.000
Cộng	60.588.779.116	44.333.257.129

2. Các khoản đầu tư tài chính: Xem thuyết minh trang 50-51.

3. Phải thu của khách hàng	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu các khách hàng mua căn hộ	116.658.381.897	-	121.239.373.104	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	3.104.714.976	-	3.104.714.976	-
Khách hàng khác	6.515.304.907	-	9.273.394.748	-
Cộng	126.278.401.780	-	133.617.482.828	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	420.251.983.505	-	461.028.255.980	-
Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Kim Hào (1)	330.000.000.000	-	380.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đại Nguyên (2)	40.350.000.000	-	39.000.000.000	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	1.439.000.000	-	379.000.000	-
Các đối tượng khác	48.462.983.505	-	41.649.255.980	-
b. Dài hạn	47.300.000.000	-	47.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trần Việt (3)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Vân (4)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân và Bà Ngụy Ngọc Phượng (5)	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-
Ông Lê Tấn Phát (6)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	467.551.983.505	-	508.328.255.980	-

(1) Tiền trả trước theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng đặt cọc số 18/2019/HDDC-KH ngày 08/10/2019, phụ lục điều chỉnh ngày 02/12/2019 và các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đã ký kết ngày 01/11/2019 giữa các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Kim Hào và Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn. Theo phán quyết của tòa án, các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Kim Hào có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền đã nhận cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này, bản án đã được cơ quan thi hành án thụ lý theo Quyết định thi hành án số 2512/QĐ-CTHADS ngày 27/5/2021, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có sự suy giảm hay bất kỳ tổn thất nếu có đối với khoản ứng trước này (chi tiết khoản thu hồi theo thuyết minh X.1).

(2) Khoản trả trước cho Ông Nguyễn Đại Nguyên để thực hiện đền bù, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các thủ tục cần thiết chuẩn bị đầu tư dự án cho các dự án của Công ty.

(3) Khoản tiền trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trần Việt theo hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần số 07/2017/HĐCN ngày 27/4/2017 và phụ lục hợp đồng số 08/PLHDD ngày 12/11/2018. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các bên đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thanh lý hợp đồng. Theo đó, các cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trần Việt sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận và lãi phạt (nếu có) cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán (tiếp theo)

(4) Khoản ứng trước cho bà Nguyễn Thị Vân theo hợp đồng đặt cọc, hứa mua và hứa bán số 15/HĐĐC ngày 15/9/2017 và PLHĐ số 01 ngày 30/3/2018. Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn ứng trước cho bà Nguyễn Thị Vân để nhận chuyển nhượng lô đất tọa lạc tại Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có sự suy giảm hay bất kỳ tổn thất nếu có đối với khoản ứng trước này vì theo bản án phúc thẩm số 11/2021/DSPT ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị Vân có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền đã nhận cho Công ty.

(5) Khoản ứng trước cho Ông Lê Thành Nhân và Bà Nguyễn Ngọc Phượng theo hợp đồng hứa mua, hứa bán nhà ngày 20/11/2014. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ông Lê Thành Nhân và Bà Nguyễn Ngọc Phượng đang chờ phản hồi của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các thủ tục cần thiết trước khi chuyển nhượng tài sản cho Công ty.

(6) Khoản ứng trước đến ông Lê Tấn Phát theo Biên bản thỏa thuận về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại ngày 28/8/2018. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, ông Lê Tấn Phát đang hoàn tất các thủ tục thừa kế, để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

5. Phải thu về cho vay

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	71.136.559.179	-	74.666.318.700	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa (1)	5.521.337.863	-	10.500.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch Tiến Phú (2)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Phố (3)	22.200.000.000	-	22.200.000.000	-
Phải thu về cho vay là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	5.352.400.000	-	3.639.400.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	8.062.821.316	-	8.326.918.700	-
Cộng	71.136.559.179	-	74.666.318.700	-

(1) Phải thu từ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hợp Nghĩa theo hợp đồng cho vay số 105/2018/HĐVV/SGR ngày 03/12/2018 với số tiền 30.000.000.000 VND, lãi suất theo lãi suất vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam chi nhánh Hồ Chí Minh tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là quyền thu từ Dự án Khu đô thị mới Nghĩa Hà do Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh làm chủ đầu tư. Số dư cho vay đến ngày 30/6/2021 là 5.521.337.863 VND.

(2) Phải thu từ Công ty TNHH Du lịch Tiến Phú theo hợp đồng vay số 02/2019/HĐVT ngày 30/01/2019 với số tiền 30.000.000.000 VND, lãi suất 12%/năm thời hạn vay 3 tháng, ngày trả nợ vay: 30/4/2019. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất có diện tích 20.900m² tại khu du lịch Tiến Phú, xã Tiến Thành, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Trong đó, diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là 12.915m² có số T03674 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 23/5/2007. Khoản cho vay này đã có kết luận theo Quyết định thi hành án số 261/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khả năng thu hồi đối với khoản phải thu này không bị suy giảm do giá trị tài sản đảm bảo thu hồi được lớn hơn khoản cho vay này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu về cho vay (tiếp theo)

(3) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Phố vay theo hợp đồng số 07/2019/HĐVV ngày 01/10/2019, số 08/2019/HĐVV ngày 01/10/2019 và các phụ lục, biên bản làm việc kèm theo. Thời hạn trả: 31/5/2021. Lãi suất cho vay: 1%/tháng. Khoản cho vay này được đảm bảo bằng 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Phố; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3 là Bà Trần Thị Lệ Hằng.

6. Phải thu khác

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	107.784.143.556	-	137.041.311.337	-
Ký cược, ký quỹ (1)	29.081.304.932	-	28.766.484.918	-
Tạm ứng nhân viên (2)	30.031.951.743	-	22.274.018.763	-
Phải thu về hợp tác đầu tư	42.726.121.845	-	68.345.881.370	-
Ông Đặng Khắc Nam	-	-	20.000.000.000	-
Ông Đinh Ngọc Thuyết	-	-	5.468.881.370	-
Ông Lâm Thành Gia (3.1)	25.523.472.000	-	25.767.000.000	-
Nguyễn Việt Hưng (3.2)	10.850.000.000	-	5.950.000.000	-
Các khoản phải thu hợp tác đầu tư khác	6.352.649.845	-	11.160.000.000	-
Phải thu khác là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	850.756.961	-	6.814.266.476	-
Phải thu khác	5.094.008.075	-	10.840.659.810	-
b. Dài hạn	67.940.000.000	-	67.940.000.000	-
Chùa Ân Giáo (4)	33.600.000.000	-	33.600.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng (5)	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
DA Mộc Bài - Tây Ninh (6)	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	240.000.000	-	240.000.000	-
Cộng	175.724.143.556	-	204.981.311.337	-

(1) Chủ yếu là khoản ký quỹ đặt cọc theo hợp đồng hứa mua, hứa bán số 15/HĐĐC ngày 15 tháng 9 năm 2017 (xem thuyết minh V.4.4).

(2) Chủ yếu là các khoản tạm ứng để thực hiện các dự án Hiệp Bình Chánh; dự án An Phú River View; dự án An Phú Residences; dự án xã Nhơn Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai và dự án Làng sinh thái Việt Xanh tại Hòa Bình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Phải thu khác (tiếp theo)

(3.1) Phải thu ông Lâm Thành Gia về khoản hợp tác đầu tư với một bên thứ ba (cá nhân) theo hợp đồng góp vốn số 19/HĐKT-2017 ngày 08/12/2017. Theo đó, Công ty đã góp 50 tỷ VND để bên thứ ba tự khai thác kinh doanh tại khu đất có tổng diện tích là 1.234,4 m² tọa lạc tại Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Biện pháp đảm bảo thỏa thuận bao gồm số cổ phần sở hữu của ông Lâm Thành Gia tại một số doanh nghiệp và quyền sử dụng đất của một cá nhân là bên liên quan của ông Lâm Thành Gia. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có sự suy giảm hay bất kỳ tổn thất nếu có đối với khoản hợp tác nêu trên do việc thu hồi công nợ này đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành theo Quyết định thi hành án số 165/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận 3.

(3.2) Công ty ký hợp đồng góp vốn đầu tư số 04/HĐGV-2020 ngày 01/12/2020 với Ông Nguyễn Việt Hưng để thực hiện đầu tư kinh doanh tại khu đất ở tỉnh Long An. Giá trị góp vốn là 13 tỷ VND. Thời gian hoàn trả vốn góp không quá 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Phân chia lợi nhuận: Ông Nguyễn Việt Hưng sẽ mang lợi nhuận về cho Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô tối thiểu là 20% giá trị vốn góp. Không có tài sản đảm bảo.

(4) Thỏa thuận hợp tác đầu tư số 09/HTĐT/2019 ngày 05/10/2019 được ký giữa Công ty và Chùa Ân Giáo. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Chùa Ân Giáo đang phối hợp thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định để thực hiện đầu tư dự án.

(5) Khoản góp vốn theo hợp đồng liên doanh số 02/2020/HĐLD ngày 17/3/2020 với ông Nguyễn Mạnh Hùng để thực hiện dự án khu dân cư đô thị trên khu đất có diện tích khoảng 6 hecta tại khu phố 4, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thành lập công ty liên doanh theo quy định.

(6) Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc 9 đã tham gia góp vốn để cùng hợp tác, đầu tư vào dự án Khu nhà ở phía Nam đường Xuyên Á tại khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, do Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Chợ Lớn (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn) đứng tên chủ đầu tư, với tỷ lệ vốn góp thỏa thuận là 20% với giá phí nhận chuyển nhượng là 11,1 tỷ đồng. Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục pháp lý để thực hiện dự án và dự án đang được triển khai theo đúng tiến độ. Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định dự án trên là có tiềm năng và thu được lợi nhuận trong tương lai.

7. Hàng tồn kho

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.741.397.393	-	15.800.037.962	-
Công cụ, dụng cụ	25.660.110	-	25.660.110	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	761.828.352.188	-	730.640.279.423	-
Thành phẩm bất động sản	4.636.794.790	-	4.636.794.790	-
Hàng hóa bất động sản	6.367.670.590	-	5.867.670.590	-
Cộng	788.599.875.071	-	756.970.442.875	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho (tiếp theo)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các dự án chủ yếu:	30/6/2021	01/01/2021
Dự án Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (1)	283.882.980.837	283.757.935.383
Dự án An Phú Đông, quận 12	31.988.139.279	32.356.799.384
Dự án An Phú River View, quận Thủ Đức	20.122.050.515	11.443.984.944
Dự án An Phú Residence, quận Thủ Đức	71.603.624.643	39.950.260.611
Dự án Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	73.488.093.659	70.600.471.261
Dự án Văn Lâm, tỉnh Bình Thuận	28.031.463.621	27.559.463.621
Nhà 64, Tân Canh, phường 01, quận Tân Bình	-	16.589.377.273
Dự án đường Phú Định, phường 16, quận 8, Tp. HCM	59.552.999.317	56.945.860.926
Dự án tại Phan Huy Chú, phường 02, TP. Vũng Tàu (2)	109.000.000.000	109.000.000.000
Dự án An Phú, Bình Dương	56.410.375.205	50.965.985.131
Các công trình, dự án khác	27.748.625.112	31.470.140.889
Cộng	761.828.352.188	730.640.279.423

(1) Dự án Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức được thực hiện theo các hợp đồng "V/v Bồi hoàn chi phí đền bù và chuyển giao khu đất tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. HCM" ngày 07/6/2017 và 22/01/2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside. Công ty đang hoàn tất các điều kiện đã thỏa thuận giữa các bên để bàn giao cho đối tác.

(2) Là giá trị đất mua theo Thông báo trúng đấu giá tài sản ngày 17/7/2020 và các chi phí dịch vụ pháp lý cho khu đất đã mua để thực hiện dự án.

- Các dự án trên đều đang thực hiện theo tiến độ đã được phê duyệt bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.

8. Tài sản dở dang dài hạn	30/6/2021	01/01/2021
Xây dựng cơ bản dở dang	9.767.251.373	8.811.200.205
Chi phí thi công Nhà trưng bày Saigonres	5.929.846.559	5.929.846.559
Chi phí thi công kho Trường Thọ-Thủ Đức	1.697.439.224	1.697.439.224
Chi phí xây dựng phần mềm	2.139.965.590	1.183.914.422
Cộng	9.767.251.373	8.811.200.205

9. Tài sản cố định hữu hình (Xem thuyết minh trang 52)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.947.653.500	36.970.000	1.984.623.500
Số dư cuối kỳ	1.947.653.500	36.970.000	1.984.623.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	36.970.000	36.970.000
Số dư cuối kỳ	-	36.970.000	36.970.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.947.653.500	-	1.947.653.500
Số dư cuối kỳ	1.947.653.500	-	1.947.653.500

(*) Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.970.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 63-65 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Đông Sài Gòn (Chi tiết xem Thuyết minh số 18 - Vay và nợ thuê tài chính).

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	133.781.490.188	133.781.490.188
Số dư cuối kỳ	133.781.490.188	133.781.490.188
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	10.219.499.392	10.219.499.392
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.393.557.190	1.393.557.190
Số dư cuối kỳ	11.613.056.582	11.613.056.582
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	123.561.990.796	123.561.990.796
Số dư cuối kỳ	122.168.433.606	122.168.433.606

(*) Giá trị các tầng trung tâm thương mại của tòa nhà số 79-81 Nguyễn Xi được tạm tính theo dự toán ban đầu của dự án. Giá trị này sẽ được Công ty quyết toán khi dự án hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Chi phí trả trước	30/6/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	846.829.111	751.958.538
Công cụ, dụng cụ	211.449.966	201.647.694
Chi phí trả trước khác	635.379.145	550.310.844
b. Dài hạn	12.260.016.347	12.641.560.770
Công cụ, dụng cụ	867.799.293	1.176.643.016
Chi phí dịch vụ tiếp thị và phân phối căn hộ (*)	10.491.202.745	10.815.575.949
Chi phí trả trước khác	901.014.309	649.341.805
Cộng	13.106.845.458	13.393.519.308

(*) Các khoản chi phí trả trước này sẽ được Công ty kết chuyển vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu của các căn hộ tương ứng.

13. Phải trả người bán	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	33.483.666.797	33.483.666.797	35.720.450.726	35.720.450.726
Các khách hàng liên quan đội xây dựng số 11 - Đình Ngọc Hưng	24.783.754.298	24.783.754.298	29.320.067.311	29.320.067.311
Các đối tượng khác	8.699.912.499	8.699.912.499	6.400.383.415	6.400.383.415
Cộng	33.483.666.797	33.483.666.797	35.720.450.726	35.720.450.726
b. Chi tiết các công nợ liên quan đến đội xây dựng số 11 - Đình Ngọc Hưng				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Quang Hải	-	-	530.871.414	530.871.414
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp	101.375.759	101.375.759	1.003.941.770	1.003.941.770
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Vận tải Hoàng Phát	-	-	795.910.500	795.910.500
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Tân Thuận Lợi	153.083.890	153.083.890	953.083.890	953.083.890
Các nhà cung cấp khác	24.529.294.649	24.529.294.649	26.036.259.737	26.036.259.737
Cộng	24.783.754.298	24.783.754.298	29.320.067.311	29.320.067.311

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Người mua trả tiền trước	30/6/2021	01/01/2021
Ngắn hạn	384.731.377.639	385.007.681.428
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside (*)	364.181.179.444	364.181.179.444
Các khách hàng khác	20.550.198.195	20.826.501.984
Cộng	384.731.377.639	385.007.681.428

(*) Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside trả tiền trước theo các hợp đồng "V/v Bồi hoàn chi phí đền bù và chuyển giao khu đất tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. HCM" ngày 07/6/2017 và 22/01/2018 được ký giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2021
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	864.229.363	399.570.192	1.016.196.321	247.603.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.209.638.595	1.324.790.782	18.241.916.277	1.292.513.100
Thuế thu nhập cá nhân	2.306.903.441	1.017.311.457	3.032.064.253	292.150.645
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	290.652.710	48.592.691	48.592.691	290.652.710
Cộng	21.671.424.109	2.790.265.122	22.338.769.542	2.122.919.689
b. Phải thu				
Thuế TNDN tạm nộp	14.461.653	-	1.219.281.697	1.233.743.350
Thuế TNCN tạm nộp	74.614.294	42.693.788	67.298.399	99.218.905
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	82.000.000	-	-	82.000.000
Cộng	171.075.947	42.693.788	1.286.580.096	1.414.962.255

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/6/2021	01/01/2021
Chi phí dự án Chung cư Saigonres Tower, Tp. Vũng Tàu	-	2.769.975.000
Chi phí dự án Khu dân cư phường 13, quận Bình Thạnh	5.986.723.872	5.986.723.872
Chi phí dự án Cao ốc An Bình, quận Tân Phú	37.559.563.119	37.559.563.119
Chi phí dự án Chung cư An Lạc, quận Bình Tân	-	1.254.005.789
Chi phí Khu dân cư phường 7, quận 8	1.998.720.498	1.998.720.498
Chi phí dự án Saigonres Plaza	161.225.086.549	164.114.503.330
Chi phí dự án Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức	27.018.623.925	27.018.623.925
Các khoản trích trước khác	2.257.221.362	2.734.228.210
Cộng	236.045.939.325	243.436.343.743

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Phải trả khác	30/6/2021		01/01/2021	
	a. Ngắn hạn			
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		15.930.824.436		16.068.046.299
Phải trả phí bảo trì dự án chung cư		12.699.654.248		15.119.378.697
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xây dựng Nhà góp vốn liên doanh		3.142.992.304		3.142.992.304
Phải trả về công trình chợ Bà Chiểu		1.000.000.000		1.000.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông		7.528.814.757		8.459.320.839
Phải trả về góp vốn liên doanh dự án phường 13, Công an Q. Bình Thạnh		232.544.825		232.544.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		575.737.067		442.858.441
Phải trả khác là các bên liên quan (thuyết minh X.3)		1.466.123.288		1.229.123.288
Các khoản phải trả, phải nộp khác		9.469.385.763		10.548.601.970
Cộng		52.046.076.688		56.242.866.663
b. Dài hạn				
Nhận ký quỹ dài hạn		244.559.700		245.300.790
Cộng		244.559.700		245.300.790
18. Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	263.879.056.000	263.879.056.000	235.352.391.000	235.352.391.000
Tại Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	224.303.056.000	200.303.056.000	174.603.056.000	174.603.056.000
Các cá nhân (1)	171.303.056.000	171.303.056.000	145.603.056.000	145.603.056.000
Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh (2)	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Tại Công ty TNHH Kinh doanh BĐS Sài Gòn	35.776.000.000	35.776.000.000	36.749.335.000	36.749.335.000
Nguyễn Thị Đượm (3)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Vũ Thùy Anh (4)	4.776.000.000	4.776.000.000	6.749.335.000	6.749.335.000
Ngân hàng TMPCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (5)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tại Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
Phạm Đình Thành	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
b. Vay dài hạn	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng Agribank-CN Đông Sài Gòn (6)	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	287.879.056.000	287.879.056.000	259.352.391.000	259.352.391.000

(1) Khoản vay từ các cá nhân nhằm bổ sung vốn lưu động với lãi suất dao động từ 9% đến 11%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo (*).

(*) Trong đó, các khoản vay cá nhân các bên liên quan bao gồm	30/6/2021	01/01/2021
Ông Phạm Thu	61.036.800.000	39.336.800.000
Ông Phạm Đình Thành	12.800.000.000	9.000.000.000
Bà Trần Thị Tuyết Mai	6.237.437.000	6.237.437.000
Bà Trần Thị Ga	25.000.000.000	25.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	5.646.769.000	5.646.769.000
Ông Thái Quốc Dương	400.000.000	400.000.000
Ông Phạm Tuấn	12.500.000.000	12.500.000.000
Cộng	123.621.006.000	98.121.006.000

(2) Khoản vay từ Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh theo hợp đồng tín dụng số 03/HĐVT ngày 02/10/2019. Số tiền vay là 29.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 3 tháng. Lãi suất là 8,5%/năm. Mục đích vay để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là tín chấp. Số dư cuối kỳ là 29.000.000.000 VND.

(3) Khoản vay của Nguyễn Thị Đượm theo hợp đồng vay số 01/2021/HĐVV ngày 26/01/2021. Số tiền vay 1.500.000.000 VND. Thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất là 8%/năm. Số dư cuối kỳ là 1.000.000.000 VND.

(4) Khoản vay của Vũ Thùy Anh theo các hợp đồng vay vốn số 03/2020/HĐVV ngày 30/11/2020, số 03/2021/HĐVV ngày 26/5/2021. Thời hạn vay từ 6 tháng đến 1 năm. Lãi suất vay là 7%/năm. Số dư cuối kỳ là 4.776.000.000 VND.

(5) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 5401/2021/13008181/HĐTD ngày 09/6/2021. Thời hạn vay là 8 tháng; ngày giải ngân: 09/6/2021; ngày trả nợ cuối cùng: 09/2/2022. Lãi suất vay là 7%/năm. Tài sản đảm bảo: 4 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của Trần Văn Chương, Nguyễn Hồng Phát và Trần Thị Đông, 1 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn đứng tên. Số dư đến ngày cuối kỳ là 30.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(6) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Đông Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 6280LA201701414 ngày 29/9/2017. Số tiền vay 120.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất là 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn đầu tư dài hạn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 63-65 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM với giá trị tài sản đảm bảo là: 65.443.460.140 VND. Số dư cuối kỳ là 48.000.000.000 VND trong nợ vay dài hạn đến hạn trả là 24.000.000.000 VND.

19. Doanh thu chưa thực hiện	30/6/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	29.707.831	-
Doanh thu chưa thực hiện khác	29.707.831	-
b. Dài hạn	182.509.989.847	198.116.869.535
Doanh thu nhận trước từ việc cho thuê mặt bằng đến các công ty:	143.031.054.443	145.618.619.844
<i>Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam</i>	<i>104.446.596.942</i>	<i>105.637.816.090</i>
<i>Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam</i>	<i>38.584.457.501</i>	<i>39.980.803.754</i>
Doanh thu chưa thực hiện từ các hợp đồng cho thuê mua tại chung cư An Phú Đông	39.478.935.404	52.498.249.691
Cộng	182.509.989.847	198.116.869.535

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem thuyết minh trang 53).

b. Cổ phiếu	30/6/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11	11
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11</i>	<i>11</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.989	59.999.989
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>59.999.989</i>	<i>59.999.989</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	30/6/2021	01/01/2021
	Giá trị	Giá trị
Nợ khó đòi đã xử lý	5.891.826.107	5.891.826.107
Cộng	5.891.826.107	5.891.826.107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.793.861.658	19.169.783.222
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	8.236.421.000	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản, thi công	16.011.214.841	18.556.053.291
Cộng	30.041.497.499	37.725.836.513
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	5.227.855.586
Cộng	-	5.227.855.586
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.793.861.658	19.169.783.222
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	8.236.421.000	-
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản, thi công	16.011.214.841	13.328.197.705
Cộng	30.041.497.499	32.497.980.927
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.508.705.158	7.792.447.860
Giá vốn kinh doanh bất động sản, thi công	3.636.468.406	9.264.536.452
Hoàn nhập chi phí trích trước	(4.364.716.589)	-
Cộng	5.780.456.975	17.056.984.312
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	862.200.689	1.442.631.001
Lãi cho vay và lãi chậm thanh toán	25.428.901	3.740.543.894
Lãi chênh lệch tỷ giá	741.090	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	585.000.000
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	137.467.621.246
Cộng	888.370.680	143.235.796.141

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	10.452.911.656	11.354.272.180
Chi phí tài chính khác	-	50.635.220
Cộng	10.452.911.656	11.404.907.400
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí bằng tiền khác	-	9.392.301
Cộng	-	9.392.301
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	11.644.103.481	11.225.170.882
Chi phí vật liệu, bao bì	2.681.036	4.869.360
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.715.909	51.813.946
Chi phí khấu hao TSCĐ	361.251.598	719.282.924
Thuế, phí và lệ phí	32.294.124	166.054.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	5.850.181.429	6.814.524.864
Cộng	17.905.227.577	18.981.716.681
8. Thu nhập khác		
Các khoản khác	437.039.778	601.416.935
Cộng	437.039.778	601.416.935
9. Chi phí khác		
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	298.471.398	-
Các khoản phạt	16.764.245	-
Các khoản khác	536.533.658	350.797.819
Cộng	851.769.301	350.797.819

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	-	17.499.840.855
Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô	289.815.734	4.250.341.625
Công ty TNHH Sài Gòn Vĩnh Khang	17.047.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh nhà Gia Định	-	26.856.816
Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn	1.017.927.548	3.781.470.491
Cộng	1.324.790.782	25.558.509.787
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.739.060.880)	102.119.345.126
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(2.546.612.526)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.546.612.526)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.739.060.880)	99.572.732.600
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	59.999.989	59.999.989
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(62)	1.660
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.739.060.880)	99.572.732.600
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm (*)	(3.739.060.880)	99.572.732.600
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	59.999.989	59.999.989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	59.999.989	59.999.989
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(62)	1.660

(*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 30/6/2021.

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Nhóm Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty như sau:

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021		
VND	+100	(1.474.671.177)
VND	-100	1.474.671.177
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020		
VND	+200	1.140.489.441
VND	-200	(1.140.489.441)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Nhóm Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

Rủi ro về kinh doanh bất động sản

Nhóm Công ty đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Nhóm Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Phải thu về cho vay

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ cho các cán bộ công nhân viên vay tiền với hạn mức, thời gian cho vay và mục đích vay được quy định trong Quy chế tài chính và trong từng kế ước cụ thể. Nhóm Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu về cho vay là thấp.

Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị, cá nhân có khả năng tài chính tốt mà công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Và các khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm việc kiểm soát một phần hoạt động của dự án hợp tác đầu tư nên rủi ro là có thể kiểm soát.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	263.879.056.000	24.000.000.000	-	287.879.056.000
Phải trả người bán	33.483.666.797	-	-	33.483.666.797
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	279.987.464.189	244.559.700	-	280.232.023.889
Cộng	577.350.186.986	24.244.559.700	-	601.594.746.686
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Các khoản vay và nợ	235.352.391.000	24.000.000.000	-	259.352.391.000
Phải trả người bán	35.720.450.726	-	-	35.720.450.726
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	290.777.031.126	245.300.790	-	291.022.331.916
Cộng	561.849.872.852	24.245.300.790	-	586.095.173.642

Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 18 - Vay và nợ thuê tài chính).

Nhóm Công ty đang nắm giữ Quyền sử dụng đất của bên thứ ba và phần vốn góp tại một số công ty mà bên thứ ba đang sở hữu tại vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Thuyết minh số 5 - Phải thu về cho vay).

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (Xem thuyết minh trang 54).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, khoản và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	57.500.000.000	59.065.714.004
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	28.973.335.000	256.018.051.515

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****- Tại Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn:**

Như đã trình bày tại các thuyết minh lần lượt số V.3, V.4, V.5, Công ty đã có quyết định thi hành án đối với các khoản trả trước cho người bán là các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Kim Hào với số tiền là 380.000.000.000 VND, khoản trả trước cho người bán và ký quỹ đặt cọc đối với bà Nguyễn Thị Vân với tổng số tiền là 45.000.000.000 VND và khoản phải thu về cho vay đối với Công ty TNHH Du lịch Tiến Phú với số tiền là 30.000.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã thu lại được 137.117.066.000 VND đối với khoản trả trước của Kim Hào, trong đó 50.000.000.000 VND đã thu trong kỳ và 87.117.066.000 VND thu được sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cơ quan có thẩm quyền đang tiến hành thu hồi công nợ phải thu của Công ty đối với ông Lâm Thành Gia với số tiền là 25.523.472.000 VND như thuyết minh V.5.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Nhóm Công ty sẽ không chịu tổn thất vì Nhóm Công ty đều thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng và nắm giữ các tài sản đảm bảo. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng phụ thuộc vào sự chấp hành pháp luật của các tổ chức và cá nhân nêu trên.

- Tại Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô:

Công ty tạm trích trước tiền sử dụng đất tại dự án Saigonres Plaza số 79/81 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. HCM theo Chứng thư Thẩm định giá ngày 13/6/2016 Của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Sài Gòn là 203.561.017.946 VND.

Căn cứ biên bản kiểm tra ngày 15/9/2017 giữa đoàn Kiểm toán NSNN Tp. Hồ Chí Minh (tổ kiểm toán số 2), Đại diện Chi cục thuế Quận Bình Thạnh và Công ty. Tổ kiểm toán thuộc đoàn Kiểm toán NSNN Tp. Hồ Chí Minh kiến nghị Chi Cục thuế Quận Bình Thạnh tạm thời thông báo số tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp là 203.561.017.946 VND. Theo đó, Chi cục thuế đã ban hành công văn số 15946/CCT-LPTB ngày 31/10/2017 và công văn 8688/CCT-LPTB ngày 20/7/2018 đề nghị Công ty thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất đối với số tiền nêu trên.

Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh phê duyệt tiền sử dụng đất nêu trên.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Đô Thị
 Công ty Cổ phần Nhà hàng Kائن Kائن
 Công ty TNHH Hải Sinh Nguyên
 Công ty TNHH Địa ốc Sài Gòn Phú Quốc
 Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh
 Công ty Cổ phần Smart Express
 Ông Phạm Thu
 Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
 Ông Huỳnh Thanh Hải
 Ông Đặng Văn Phúc
 Bà Trần Thị Ga
 Ông Phạm Đình Thành
 Ông Phạm Tuấn
 Ông Kiều Minh Long
 Ông Nguyễn Văn Khoa
 Bà Nguyễn Thị Nguyễn
 Bà Trần Thị Tuyết Mai
 Ông Thái Quốc Dương

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Chủ tịch HĐQT
 Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/4/2021)
 Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/4/2021)
 Thành viên HĐQT - Phó TGD thường trực
 Thành viên HĐQT - Phó TGD
 Thành viên HĐQT - Phó TGD
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Bên liên quan
 Bên liên quan
 Bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Xây dựng Đô Thị	136.363.636	-
Công ty TNHH Hải Sinh Nguyên	1.671.021	34.371.231
Cộng	138.034.657	34.371.231
Nhận cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đô Thị	(109.090.909)	(200.000.000)
Công ty Cổ phần Nhà hàng Kائن Kائن	(480.722.742)	(854.520.637)
Cộng	(589.813.651)	(1.054.520.637)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Chi phí tài chính	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
Ông Đặng Văn Phúc	-	(165.600.000)
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	(218.070.823)	(335.094.820)
Ông Phạm Đình Thành	(627.805.478)	(556.392.240)
Ông Phạm Tuấn	(638.123.290)	(327.232.877)
Ông Phạm Thu	(2.833.862.159)	(1.781.924.277)
Bà Trần Thị Ga	(1.363.698.631)	(117.845.734)
Bà Trần Thị Tuyết Mai	(315.444.849)	(332.038.675)
Cộng	(5.997.005.230)	(3.616.128.623)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng	30/6/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đô Thị	722.034.000	722.034.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Kائن Kائن	1.534.680.976	1.534.680.976
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	848.000.000	848.000.000
Cộng	3.104.714.976	3.104.714.976
Phải thu về cho vay	30/6/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đô Thị	870.700.000	870.700.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Kائن Kائن	2.381.700.000	1.168.700.000
Công ty TNHH Hải Sinh Nguyên	2.100.000.000	1.600.000.000
Cộng	5.352.400.000	3.639.400.000
Trả trước cho người bán	30/6/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đô Thị	1.439.000.000	379.000.000
Cộng	1.439.000.000	379.000.000
Phải thu khác	30/6/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đô Thị	754.296.685	717.146.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Kائن Kائن	-	1.000.660.200
Công Ty TNHH Hải Sinh Nguyên	96.460.276	96.460.276
Phạm Thao	-	5.000.000.000
Cộng	850.756.961	6.814.266.476

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Phải trả khác	30/6/2021	01/01/2021	
Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh	(1.229.123.288)	(1.229.123.288)	
Ông Phạm Đình Thành	(60.000.000)	-	
Ông Phạm Tuấn	(177.000.000)	-	
Cộng	(1.466.123.288)	(1.229.123.288)	
Các khoản vay và nợ	30/6/2021	01/01/2021	
Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)	
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	(5.646.769.000)	(5.646.769.000)	
Ông Phạm Thu	(61.036.800.000)	(39.336.800.000)	
Ông Phạm Tuấn	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)	
Ông Phạm Đình Thành	(12.800.000.000)	(9.000.000.000)	
Ông Thái Quốc Dương	(400.000.000)	(400.000.000)	
Bà Trần Thị Ga	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)	
Bà Trần Thị Tuyết Mai	(6.237.437.000)	(6.237.437.000)	
Cộng	(152.621.006.000)	(127.121.006.000)	
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã được chi trong kỳ	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020	
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Thù lao	1.544.780.000	474.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	942.300.353	713.897.752
Cộng	2.487.080.353	1.187.897.752	

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Nhóm Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Trong 06 tháng đầu năm 2021, Nhóm Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: kinh doanh bất động sản, thi công công trình bất động sản, hoạt động hợp tác kinh doanh và cung cấp các dịch vụ khác. Nhóm Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Kinh doanh bất động sản, thi công	16.011.214.841	(728.248.183)	16.739.463.024
Hợp tác đầu tư	8.236.421.000	-	8.236.421.000
Cung cấp dịch vụ	5.793.861.658	6.508.705.158	(714.843.500)
Cộng	30.041.497.499	5.780.456.975	24.261.040.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành như sau:

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2020		Chênh lệch
	Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất			
Khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu"	Mã số 70	2.242	1.660 (583)
Khoản mục "Lãi suy giảm trên cổ phiếu"	Mã số 71	2.242	1.660 (583)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Nhóm Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Nguyệt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Quý

Tp. HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2021


**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
THƯỜNG TRỰC**
SÀI GÒN


ĐẶNG VĂN PHÚC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2021		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	53.000.000	53.000.000	53.000.000	53.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng (*)	8.633.600.000	8.633.600.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	8.686.600.000	8.686.600.000	8.053.000.000	8.053.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh nhằm bảo lãnh thực hiện Hợp đồng theo Hợp đồng số 02/2020/HĐ-ĐTDA ngày 24/3/2020 được ký kết giữa Sở xây dựng tỉnh Hòa Bình với Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn về việc thực hiện đầu tư dự án Làng sinh thái Việt Xanh xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	64.794.000.000	-	62.703.584.738	-
Công ty Cổ phần Smart Express (1)	800.000.000	-	492.373.058	-
Công ty TNHH Địa ốc Tuấn Minh (2)	30.000.000.000	-	30.240.181.560	-
Công ty TNHH Địa ốc Sài Gòn Phú Quốc (3)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Xây dựng Đô Thị (4)	994.000.000	-	1.412.040.352	-
Công ty TNHH Hai Sinh Nguyên (5)	27.100.000.000	-	27.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhà hàng Kàn Kầu (6)	4.900.000.000	-	2.458.989.768	-
b2. Đầu tư vào đơn vị khác	3.224.793.200	-	3.224.793.200	-
Công ty CP Vicosimex	2.730.000.000	-	2.730.000.000	-
Công ty TNHH DV TM Minh Thành	494.793.200	-	494.793.200	-
Cộng	68.018.793.200	-	65.928.377.938	-
			67.218.793.200	-
				61.488.742.152
				-
				30.000.000.000
				-
				1.000.000.000
				-
				1.427.462.567
				-
				27.100.000.000
				-
				1.961.279.585
				-
				3.224.793.200
				-
				2.730.000.000
				-
				494.793.200
				-
				64.713.535.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	5.163.701.918	15.957.851.454	8.441.801.716	1.516.293.560	31.079.648.648
Mua trong kỳ	-	136.000.000	-	-	136.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(80.000.000)	-	(854.352.727)	(934.352.727)
Số dư cuối kỳ	5.163.701.918	16.013.851.454	8.441.801.716	661.940.833	30.281.295.921
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.700.737.375	13.429.227.768	6.539.758.195	943.875.652	24.613.598.990
Khấu hao trong kỳ	176.342.990	329.096.362	190.142.216	30.544.928	726.126.496
Thanh lý, nhượng bán	-	(70.476.190)	-	(174.085.846)	(244.562.036)
Số dư cuối kỳ	3.877.080.365	13.687.847.940	6.729.900.411	800.334.734	25.095.163.450
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.462.964.543	2.528.623.686	1.902.043.521	572.417.908	6.466.049.658
Số dư cuối kỳ	1.286.621.553	2.326.003.514	1.711.901.305	(138.393.901)	5.186.132.471

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.446.990.041 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17/08/2021

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020							
Số dư tại ngày 01/01/2020	455.399.180.000	1.940.000	(110.000)	2.101.474.907	214.626.867.158	20.773.095.604	692.902.447.669
Tăng vốn	-	-	-	-	-	250.000.000	250.000.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	102.119.345.126	(278.741.552)	101.840.603.574
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.781.018.160)	-	(1.781.018.160)
Giảm khác	-	-	-	-	(420.759.382)	-	(420.759.382)
Số dư tại ngày 30/6/2020	455.399.180.000	1.940.000	(110.000)	2.101.474.907	314.544.434.742	20.744.354.052	792.791.273.701
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021							
Số dư tại ngày 01/01/2021	600.000.000.000	1.940.000	(110.000)	2.101.474.907	122.520.981.175	20.939.526.928	745.563.813.010
Lợi nhuận	-	-	-	-	(3.739.060.880)	(567.326.169)	(4.306.387.049)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.546.612.526)	-	(2.546.612.526)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(3.216.204.918)	3.216.204.918	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	600.000.000.000	1.940.000	(110.000)	2.101.474.907	113.019.102.851	23.588.405.677	738.710.813.435

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/6/2021	31/12/2020	30/6/2021	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.686.600.000	-	8.053.000.000	-
- Phải thu khách hàng	126.278.401.780	-	133.617.482.828	-
- Phải thu về cho vay	71.136.559.179	-	74.666.318.700	-
- Phải thu khác	145.692.191.813	-	182.707.292.574	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	60.588.779.116	-	44.333.257.129	-
TỔNG CỘNG	412.382.531.888	-	443.377.351.231	-
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	287.879.056.000	-	259.352.391.000	-
- Phải trả người bán	33.483.666.797	-	35.720.450.726	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	280.232.023.889	-	291.022.331.916	-
TỔNG CỘNG	601.594.746.686	-	586.095.173.642	-